

Số: 16/2020/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cấm biển báo
khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Sau khi xem xét Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cấm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 251/BC-BPC ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai có chiều sâu tính từ đường biên giới trở vào nội địa đoạn xa nhất là 400m, đoạn gần nhất là 100m, cụ thể

1. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 400m (tính từ đường biên giới), gồm các xã, thị trấn: Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chín, Tả Gia Khâu (huyện Mường Khương); Nàn Sán, thị trấn Si Ma Cai (huyện Si Ma Cai).

2. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 300m (tính từ đường biên giới), gồm các xã, thị trấn: Y Tý, A Lù (huyện Bát Xát); Lũng Vai, Nậm Chảy, Tung Chung Phố, thị trấn Mường Khương (huyện Mường Khương).

3. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 200m (tính từ đường biên giới), gồm các xã, thị trấn: A Mú Sung, Nậm Chạc, Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim, thị trấn Bát Xát (huyện Bát Xát); Sán Chải (huyện Si Ma Cai).

4. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 100m (tính từ đường biên giới) gồm các xã, phường: Bản Phiệt (huyện Bảo Thắng); Bản Lầu (huyện Mường Khương); các phường Lào Cai, Cốc Lếu, Duyên Hải (thành phố Lào Cai).

Điều 2. Số lượng, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai và kinh phí thực hiện

1. Biển báo “KHU VỰC BIÊN GIỚI” được cắm tại 50 vị trí để xác định khu vực biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này)

2. Biển báo “VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI” được cắm tại 82 vị trí để xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 94/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TP biên giới;
- VP.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- CV Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong



Phụ lục số 1

VI TRÍ BIÊN BẢO KHU VỰC BIÊN GIỚI

(Kèm theo Nghị quyết số: 46 /2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)				
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
A	HUYỆN BÁT XÁT				
I	Xã Y Tý				
1	22°37'43,74"	103°37'35,41"	0308558846	Giáp ranh Y Tý - Dền Sáng	
II	Xã A Lù				
III	Xã A Mú Sung				
IV	Xã Nậm Chạc				
V	Xã Trịnh Tường				
VI	Xã Cốc Mỳ				
VII	Xã bản Vược				
2	22°34'15,14"	103°37'35,41"	9681978541	Tỉnh lộ 158 Bản Vược - Mường Vi	
VIII	Xã Bản Qua				
IX	Thị trấn Bát Xát				
X	Xã Quang Kim				
3	22°29'34,22"	103°53'53,22"	8799486577	Đi Phìn Ngan	
4	22°29'35,05"	103°53'04,76"	8751385295	Đi Phìn Ngan	
5	22°28'53,83"	103°55'11,46"	8665188679	Đi Tòng Sành	
B	THÀNH PHỐ LÀO CAI				
XI	Phường Duyên Hải				
6	22°30'31,75"	103°56'23,94"	8964290774	Ngã 3 Cùm Hạ gập cao tốc	
7	22°30'20,12"	103°56'33,47"	8928091054	Gập cao tốc sát suối Đồng Tuyển	
8	22°29'46,56"	103°56'53,37"	8825191603	Gập cao tốc gần nhà máy tuyển Bắc Nhạc Sơn	
9	22°29'46,80"	103°56'52,54"	8824091598	Đường Cao Tốc giáp Đồng Tuyển	
XII	Phường Cốc Lếu				
10	22°29'29,39"	103°57'20,64"	8771892386	Trục đường đi UB Đồng Tuyển	
11	22°29'12,55"	103°57'47,61"	8751593413	Đường Xuân Diệu giáp Kim Tân	
12	22°29'31,4"	103°57'47,4"	8766093345	Đường An Ninh giáp Kim Tân	
13	22°29'45,8"	103°57'45,7"	8810693299	Đường Lê Quý Đôn - Nhạc Sơn	
14	22°29'48,6"	103°57'47,7"	8836393431	Đường Hoàng Liên - Lê Quý Đôn	
15	22°29'54,2"	103°57'50,2"	8819193359	Đường Hoàng Liên - Đình Lễ	
16	22°30'02,7"	103°57'55,9"	8862493596	Đường Đình Lễ - Soi Tiền	

Chu

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
17	22°30'06,8"	103°57'58,6"	8874793675	Đường Đinh Lễ - An Dương Vương	
XIII	Phường Lào Cai				
18	22°29'06,66"	103°58'42,55"	8685994639	Cầu Phố Mới giáp Kim Tân	
19	22°29'05,00"	103°58'46,16"	8696391916	Bờ kè sông Hồng giáp Vạn Hòa	
20	22°29'07,89"	103°58'50,21"	8703594942	Đường Phạm Văn Xảo - Phạm Văn Khải	
21	22°29'09,31"	103°58'51,04"	8707994966	Đường Cô Tiên - Phạm Văn Khải	
22	22°29'10,93"	103°58'51,89"	8712894989	Đường Đinh Bộ Lĩnh - Phạm Văn Khải	
23	22°29'12,65"	103°58'52,81"	8718095016	Góc giữa đường Ngọc Uyên - Mai Văn Ty nối đường Phạm Văn Khải	
24	22°29'14,65"	103°58'54,29"	8723895060	Đường Triệu Quang Phục - Phạm Văn Khải	
25	22°29'15,29"	103°58'54,80"	8725895074	Đường sắt tiếp giáp Vạn Hòa	
26	22°29'34,35"	103°58'52,23"	8785295001	Đường khu công nghiệp (đổi diện đến Quan)	
C	HUYỆN BẢO THẮNG				
XIV	Xã Bản Phệt				
27	22°30'57,54"	104°02'17,99"	9026001055	QL 70 giáp Bản Cầm	
28	22°27'56,18"	104°04'00,61"	8476603790	Đường liên thôn giáp Thái Niên	
29	22°28'00,93"	104°04'46,03"	8604102335	Tỉnh lộ giáp Thái Niên	
30	22°28'41,39"	104°03'02,23"	8506604978	Tỉnh lộ giáp Vạn Hòa	
D	HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG				
XV	Xã Bản Lầu				
31	22°32'58,53"	104°04'59,54"	9562205032	Đường liên xã đi Bản Sen- Bản Cầm	
32	22°32'45,0"	104°05'03,3"	9202403727	Đường thôn K15 đi Bản Cầm	
33	22°33'49,97"	104°04'56,47"	9353405838	Đường liên xã đi Bản Sen	
XVI	Xã Lũng Vai				
34	22°39'59,97"	104°05'51,05"	0646407035	Đường QL 4D giáp Thanh Bình	
35	22°38'15,64"	104°07'34,81"	9940207780	Giáp ranh Bản Sen- La Pan Tẩn	
36	22°35'35,11"	104°05'49,72"	9860307155	Đường liên xã đi Bản Sen	
XVII	Xã Nậm Chảy				
37	22°43'08,16"	104°05'26,28"	1272206462	Đường Sả Lũng Phìn đi Thanh Bình	
XVIII	TT Mường Khương				
38	22°43'51,49"	104°06'19,85"	1358608213	Quốc lộ 4D giáp Thanh Bình	
39	22°44'30,68"	104°08'13,25"	1518511411	Đường đi Nậm Lư	
XIX	Xã Tung Chung Phố				
40	22°45'28,75"	104°10'10,74"	1576512473	Giáp xã Nậm Lư	
41	22°44'58,43"	104°08'56,18"	1774913845	Giáp Xã Nậm Lư	

thư

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
XX	Xã Tả Ngải Chồ				
XXI	Xã Pha Long				
XXII	Xã Dìn Chín				
XXIII	Xã Tả Gia Khâu				
42	22 ⁰ 43'15,53"	104 ⁰ 13'28,11"	1293320191	QL 4 - xã Bản Mế	
E	HUYỆN SI MA CAI				
XXIV	Xã Nàn Sán				
43	22 ⁰ 41'05,24"	104 ⁰ 15'05,23"	0885323114	QL 4 - xã Bản Mế	
44	22 ⁰ 40'50,63"	104 ⁰ 15'09,88"	0955724430	Đi xã Quan Hồ Thần	
45	22 ⁰ 40'54,05"	104 ⁰ 15'39,86"	0826623128	Đi xã Quan Hồ Thần	
XXV	Thị trấn Si Ma Cai				
46	22 ⁰ 40'35,83"	104 ⁰ 15'54,49"	0860024548	Đi xã Quan Hồ Thần	
XXVI	Xã Sán Chải				
47	22 ⁰ 40'36,61"	104 ⁰ 17'21,91"	0769830451	Đi xã Quan Hồ Thần	
48	22 ⁰ 39'47,27"	104 ⁰ 18'36,88"	0835426950	QL 4 đi xã Cán Cầu	
49	22 ⁰ 40'01,51"	104 ⁰ 19'06,69"	0669929208	Cán Cầu đi thôn Lù Dì Sán	
50	22 ⁰ 39'48,16"	104 ⁰ 18'19,47"	0653428448	Đường liên thôn giáp xã Cán Cầu	





Phụ lục số 2

VỊ TRÍ BIÊN BẢO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI

(Kèm theo Nghị quyết số: 46 /2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)				
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
A	HUYỆN BÁT XÁT				
I	Xã Y Tý				
1	22 ⁰ 35'32,04"	103 ⁰ 31'47,71"	9874749092	Y Tý - Sin Súi Hồ, Lai Châu	Điểm đầu vành đai 300m
2	22 ⁰ 36'54,00"	103 ⁰ 33'04,09"	0178651500	Hồng Ngải, Y Tý	
3	22 ⁰ 37'55,94"	103 ⁰ 33'22,41"	0334252314	Hồng Ngải, Y Tý	
4	22 ⁰ 38'32,53"	103 ⁰ 34'24,77"	0463753450	Sim San, Y Tý	
5	22 ⁰ 38'55,71"	103 ⁰ 34'33,61"	0511053741	Sim San, Y Tý	
6	22 ⁰ 40'25,48"	103 ⁰ 34'42,68"	0818653868	Lao Chải, Y Tý	
II	Xã A Lù				
7	22 ⁰ 41'22,55"	103 ⁰ 34'07,70"	0977053010	Chân Chu Lin - Mốc 88(2)	
8	22 ⁰ 42'04,96"	103 ⁰ 33'59,74"	1124552590	Thôn Séo Phìn Chư- Mốc 89(2)	
9	22 ⁰ 43'12,46"	103 ⁰ 34'12,72"	1252953379	Thôn Khoa Sán Chải - Mốc 89(2)	
10	22 ⁰ 43'08,69"	103 ⁰ 34'43,30"	1330253846	T.tâm xã A Lù - Đường tuần tra	
11	22 ⁰ 44'25,19"	103 ⁰ 35'45,90"	1564855936	Giáp A Mú Sung	Điểm cuối vành đai 300m
III	Xã A Mú Sung				
12	22 ⁰ 44'40,80"	103 ⁰ 35'55,39"	1567155834	Giáp A Lù	Điểm đầu vành đai 200m
13	22 ⁰ 45'04,40"	103 ⁰ 36'32,18"	1663957207	Thôn Pạc tả - Đường tuần tra	
14	22 ⁰ 47'09,94"	103 ⁰ 37'58,65"	2048159757	Đường tuần tra thôn Lũng Pô 2	
15	22 ⁰ 46'20,66"	103 ⁰ 39'52,79"	1899962864	Ngã 3 TL 156 - đường Lũng Pô	
16	22 ⁰ 45'58,25"	103 ⁰ 40'11,64"	1826563439	Tỉnh lộ 156 thôn Tùng Sáng	
IV	Xã Nậm Chạc				
17	22 ⁰ 44'50,42"	103 ⁰ 41'22,30"	1617865433	Tỉnh lộ 156 thôn Ngam Xá	
18	22 ⁰ 44'43,27"	103 ⁰ 41'38,23"	1484567573	Tỉnh lộ 156 thôn Ma Cò	
19	22 ⁰ 43'45,27"	103 ⁰ 43'00,60"	1424868199	Tỉnh lộ 156 thôn Cửa Suối	
V	Xã Trịnh Tường				
20	22 ⁰ 42'16,98"	103 ⁰ 44'06,51"	1139870086	Ngã 3 thôn Vỹ Lầu - tỉnh lộ 156	
21	22 ⁰ 41'46,96"	103 ⁰ 44'40,66"	1045971050	Tỉnh lộ 156 thôn phố Trịnh Tường	
22	22 ⁰ 41'33,98"	103 ⁰ 44'51,82"	1005571370	Tỉnh lộ 156 thôn phố Trịnh Tường	
23	22 ⁰ 41'09,92"	103 ⁰ 45'18,85"	0936072097	Tỉnh lộ 156 - đường đi Tân Tiến	
24	22 ⁰ 41'16,75"	103 ⁰ 45'39,56"	0908673002	Đường bờ sông đầu thôn Tân Tiến	
25	22 ⁰ 40'46,74"	103 ⁰ 46'19,26"	0852973782	Đường bờ sông cuối thôn Tân Tiến	
26	22 ⁰ 40'02,04"	103 ⁰ 46'54,51"	0812774044	Đường Tân Hào đi đường bờ sông	

Chữ

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)				
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
VI	Xã Cốc Mỹ				
27	22 ⁰ 39'44,77"	103 ⁰ 47'25,67"	0780774415	Đường bờ sông đầu thôn Tân Giang	
28	22 ⁰ 39'13,78"	103 ⁰ 47'51,56"	0570376459	Đường bờ sông - bờ kè Tân Giang	
29	22 ⁰ 38'49,61"	103 ⁰ 48'07,03"	0495376888	Đường bờ sông cuối thôn Tân Giang	
30	22 ⁰ 38'14,68"	103 ⁰ 48'39,86"	0379777777	Đường bản Chang đi Mốc 96(2)	
31	22 ⁰ 37'33,58"	103 ⁰ 49'03,35"	0260578486	Đường NM tuyến Đồng đi bản Chang	
32	22 ⁰ 37'15,11"	103 ⁰ 49'08,24"	0204678610	Tỉnh lộ 156 đi bản Chang	
VII	Xã bản Vược				
33	22 ⁰ 36'27,81"	103 ⁰ 50'05,73"	0056380242	Thôn 3 đi bờ kè sông Hồng	
VIII	Xã Bản Qua				
34	22 ⁰ 34'27,49"	103 ⁰ 52'02,22"	9692183612	Thôn Hải Khê ra BG	
35	22 ⁰ 33'34,23"	103 ⁰ 52'51,80"	9540484952	Thôn Bản Qua ra BG	
IX	Thị trấn Bát Xát				
36	22 ⁰ 33'01,81"	103 ⁰ 54'06,49"	9479886914	Tổ 9 ra BG	
X	Xã Quang Kim				
37	22 ⁰ 32'14,06"	103 ⁰ 54'40,83"	9257288069	Thôn Làng Hang ra BG	
38	22 ⁰ 31'49,09"	103 ⁰ 55'09,62"	9198388826	Thôn An Quang ra BG	đường đi Làng Hang
39	22 ⁰ 31'58,60"	103 ⁰ 55'31,48"	9245889726	Thôn An Quang ra BG	Khu vực bến cũ
40	22 ⁰ 31'34,85"	103 ⁰ 55'45,46"	9149189884	Thôn An Quang ra BG	Đường ra Mốc 99(2)
B	THÀNH PHỐ LÀO CAI				
XI	Phường Duyên Hải				
41	22 ⁰ 31'32,98"	103 ⁰ 55'48,29"	9150590004	Giáp CK Kim Thành	Điểm đầu vành đai 100m
42	22 ⁰ 31'31,83"	103 ⁰ 56'07,18"	9127891435	Giáp CK Kim Thành	
43	22 ⁰ 30'56,07"	103 ⁰ 56'56,43"	9046291906	Gần Mốc 100(2)	
44	22 ⁰ 30'17,94"	103 ⁰ 57'42,10"	8962892536	Lối xuống bờ sông	
45	22 ⁰ 30'35,59"	103 ⁰ 57'19,02"	8911093253	Ngã ba đường bờ sông	
XII	Phường Cốc Lếu				
XIII	Phường Lào Cai				
46	22 ⁰ 30'20,68"	103 ⁰ 58'27,51"	9127891435	Ngã 3 QL 70 đi nhà máy nước	
47	22 ⁰ 30'36,88"	103 ⁰ 58'13,93"	9046291906	Đầu trạm Hội ngộ hội đàm	
C	HUYỆN BẢO THẮNG				
XIV	Xã Bản Phiệt				
48	22 ⁰ 32'43,61"	104 ⁰ 00'55,07"	9360998773	Thôn Nậm Sò ra biên giới	
D	HUYỆN MUÔNG KHƯƠNG				
XV	Xã Bản Lầu				
49	22 ⁰ 34'05,17"	104 ⁰ 00'56,40"	9924999378	Đường Liên xã Bản Lầu - Lũng Vai	
50	22 ⁰ 35'58,04"	104 ⁰ 01'19,21"	0093499895	Đầu đường đi thôn Na Lốc 3, 4	

Chu?

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)				
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
51	22°36'44,34"	104°01'33,50"	0211499995	Đầu đường đi thôn Na Lốc 2	
52	22°37'00,07"	104°01'37,33"	0189099719	Giáp ranh Lũng Vai	Điểm cuối vành đai 100m
XVI	Xã Lũng Vai				
53	22°37'05,97"	104°01'36,90"	0194999912	Giáp ranh Bản Lầu	Điểm đầu vành đai 300m
54	22°37'22,83"	104°01'36,98"	0371200631	Đường đi Mốc 112	
55	22°38'17,94"	104°01'54,95"	1642104358	Đường đi Mốc 117	
XVII	Xã Nậm Chảy				
56	22°41'29,26"	104°01'54,00"	0979100311	Đường từ Gia Khâu B đi Mốc 126	
57	22°41'44,10"	104°02'09,00"	1042100752	Đường đi Mốc 127	
58	22°42'51,19"	104°02'30,34"	1232701438	Đường đi Mốc 128	
59	22°44'21,30"	104°03'18,02"	1500802896	Đường đi Mốc 130	
60	22°45'13,79"	104°04'02,00"	1642104358	Đường đi Mốc 133	
XVIII	TT Mường Khương				
61	22°45'37,26"	104°04'52,86"	2197509093	Thôn Dê Chúa Thàng đi Mốc 136	
62	22°45'53,38"	104°05'14,28"	2157307979	Thôn Dê Chúa Thàng đi Mốc 137	
63	22°47'08,72"	104°05'52,68"	2024607150	Thôn Choán Ván đi Mốc 138	
64	22°47'52,19"	104°06'32,78"	1777006233	Thôn Chùng Trại B đi Mốc 139	
65	22°48'31,90"	104°07'17,93"	1738405535	Thôn Chùng Trại B đi Mốc 143	
XIX	Xã Tung Chung Phố				
66	22°48'30,71"	104°09'21,12"	2278913561	Thôn Sáo Tùng đi Mốc 147	
67	22°48'39,89"	104°09'25,28"	2262113485	Thôn Sáo Tùng đi Mốc 148	
68	22°49'00,60"	104°10'14,11"	2368414935	Giáp ranh Tả Ngải Chồ	Điểm cuối vành đai 300m
XX	Xã Tả Ngải Chồ				
69	22°48'59,96"	104°10'40,34"	2360414842	Giáp ranh Tung Chung Phố	Điểm đầu vành đai 400m
70	22°49'09,83"	104°11'19,16"	2338716889	Đường tuần tra- thôn Sín Chải A	
71	22°49'23,94"	104°11'43,50"	2384217107	Đường tuần tra- thôn Sín Chải B	
72	22°49'38,03"	104°13'24,61"	2437920065	Đường tuần tra- thôn Thàng Chư Pển	
XXI	Xã Pha Long				
73	22°50'09,63"	104°15'55,36"	2557324573	Đường tuần tra đi Mốc 166	
74	22°49'34,18"	104°16'06,17"	2458724593	Đường tuần tra đi Mốc 167	
XXII	Xã Dìn Chín				
75	22°47'07,61"	104°15'13,47"	2140623708	Đường tuần tra đi Mốc 168(2)	
76	22°48'28,04"	104°15'35,79"	1889122917	Đường ra biên giới	
XXIII	Xã Tả Gia Khâu				
77	22°45'53,82"	104°15'21,03"	1779423339	Đường đi Mốc 169(2)	

S TT	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA DANH GIÁP RANH	GHI CHÚ
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
78	22 ⁰ 44'32,14"	104 ⁰ 15'58,76"	1539024442	Đường đi Mốc 170 (3)	
E	HUYỆN SI MA CAI				
XXIV	Xã Nàn Sán				
XXV	Xã Si Ma Cai				
79	22 ⁰ 43'34,34"	104 ⁰ 19'25,08"	1348930368	Giáp xã Sán Chải	Điểm cuối vành đai 400m
XXVI	Xã Sán Chải				
80	22 ⁰ 43'41,66"	104 ⁰ 19'27,87"	1369330419	Giáp xã Si Ma Cai	Điểm đầu vành đai 200m
81	22 ⁰ 43'09,51"	104 ⁰ 20'00,91"	1274431267	Thôn Lù Di Sán đi BG	
82	22 ⁰ 42'39,06"	104 ⁰ 20'20,94"	1174531942	Thôn Lù Di Sán giáp Hà Giang	Điểm cuối vành đai 200m

